TÒA ÁN ND HUYỆN T **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2019/HS-ST
Ngày: 26/2/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trúc: Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí
Nơi cư trú: Xã Minh Dân - Triệu Sơn - Thanh Hóa
2. Ông Nguyễn Trung Tâm; Nghề nghiệp: Cán bộ
Nơi công tác: Phòng giáo dục huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Nguyễn Trọng Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26/2/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 17/01/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 2 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Đức Đ – Sinh ngày 8/5/2002. Sinh trú quán: Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Xuân T và bà An Thị Vân A; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu.
Tiền án: Không
Tiền sự: Ngày 17/9/2018 bị Công an xã H, huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.
Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo : Ông Lê Xuân T, sinh năm : 1972, HKTT : Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hà Thị N - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp số 6 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa.
- Người bị hại: Anh Hà Quang T- sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn D , xã H, huyện T - Thanh Hóa - vắng mặt
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hà Duyên M, sinh năm: 1992, địa chỉ: Thôn L, xã H - T - Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các lài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 12/11/2018, Lê Đức Đ ở thôn D, xã H, huyện T đi bộ từ nhà sang nhà anh Hà Quang T (người cùng thôn). Đ nhìn xung quanh thấy cửa quán mở, có một chiếc dương gỗ đựng tiền ở bên cạnh tủ hàng tạp hóa, gia đình anh T đang ăn cơm dưới bếp, Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ đi lại phía cửa cổng thấy cửa có chốt nhưng không khóa, Đ liền dùng tay phải mở cửa đi vào, Đ lấy chiếc khăn đang quàng cổ bịt mặt rồi cúi lom khom, đi lại chỗ chiếc dương gỗ không khóa dùng tay phải mở cửa dương lấy tiền và thẻ điện thoại mệnh giá các loại. Sau khi ra ngoài, Đ kiểm tra số tiền lấy được là 1.330.000đ (một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) và 195 thẻ điện thoại các loại trị giá 5.580.000đ (năm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng). Đạt đi vào quán nhà anh Hà Duyên M ở cùng thôn, dùng số tiền vừa trộm cắp được mua một chiếc đài FM với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), số tài sản còn lại Đạt cất dấu tại nhà mình.

Đến ngày 13/11/2018, Đạt đến công an huyện T đầu thú khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản và giao nộp số tiền 1.130.000đ (một triệu một trăm ba mươi nghìn đồng); 195 thẻ cào điện thoại mệnh giá các loại trị giá 5.580.000đ (năm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng); 01 đài FM.

Ngày 14/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thu giữ số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại nhà anh Hà Duyên M.

Đối với chiếc khăn Đ dùng bịt mặt khi trộm cắp tài sản, sau khi ra khỏi nhà anh T, Đ đã bỏ lại trên đường nhưng không nhớ chính xác là ở đâu, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không truy tìm được.

Anh Hà Quang T và anh Hà Duyên M đã nhận lại tài sản và có đơn không yêu cầu bồi thường về phần dân sự.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lê Đức Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,i,s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91, Điều 98, Điều 101, Điều 38 BLHS.

Hình phạt đối với bị cáo từ 4 đến 5 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu về phần dân sự nên không xem xét.

*****Ý kiến của trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo:

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về hành vi phạm tội của bị cáo, các điều luật áp dụng. Tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét bị cáo là người chưa thành niên, tinh thần và thể chất chưa được phát triển hoàn thiện, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, sau khi phạm tội đã đến cơ quan điều tra đầu thú, thành khẩn khai báo hành vi

phạm tội theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51BLHS. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất có thể để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận đối với Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo mong HĐXX cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình cụ thể như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 12 tháng 11 năm 2018, Lê Đức Đ, sinh ngày 8 tháng 5 năm 2002 lợi dụng lúc gia đình anh Hà Quang T sơ hở, mất cảnh giác đã có hành vi lén lút vào quán nhà anh Hà Quang T mở dương gỗ đựng tiền trộm cắp số tiền 1.330.000đ và 195 thẻ điện thoại mệnh giá các loại trị giá 5.580.000đ. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp được là 6.910.000đ.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Đức Đ có hành vi lén lút trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 6.910.000đ, do đó hành vi của Lê Đức Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo vì động cơ, mục đích tư lợi, tuổi nhỏ không chịu khó học tập, lười lao động, đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây mất trật tự trị an, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nhất là ở lứa tuổi thanh thiếu niên nên hành vi phạm tội của bị cáo cần xử phạt nghiêm minh để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi, sau khi phạm tội đã đến Cơ quan điều tra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18

tuổi nên áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, áp dụng điều 91 Bộ luật hình sự để xử lý đối với bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ, bị cáo phạm tội khi mới 16 tuổi 6 tháng 4 ngày, xét thấy bị cáo là người chưa thành niên, tinh thần và thể chất chưa được phát triển hoàn thiện, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, ngày 17/9/2018 bị cáo bị Công an xã H, huyện T xử phạt vi phạm hình chính về hành vi trộm cắp tài sản, tính đến thời điểm phạm tội chưa được 6 tháng, do đó căn cứ vào Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQHĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự, áp dụng cho bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt và cần thiết phải cách ly bị cáo Lê Đức Đ ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo sớm trở thành người tốt.

Do bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về dân sự: Quá trình điều tra anh Hà Quang T và anh Hà Duyên M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Lê Đức Đ, phạm tội "Trộm cắp tài sản"

-Áp dụng: Khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 điều 51; 91, 98, 38 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Lê Đức Đ : 4 (**bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng điều 135, 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án tỉnh TH;
- VKSND T;
- Công an T;
- Thi hành án DS T;
- Bị cáo;
- Người đại diện;
- Người bào chữa;
- Người BH; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lan